

Bản án số: **123** /2022/HNGĐ-ST.

Ngày 12 / 7 /2022

Về việc: *Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Thị Thu Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Vương Minh Tân**

2. Bà **Lê Thị Thảo**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Kim Tuyến** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà **Phạm Hương Thảo** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2022/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/6/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ dân phố 12, phường N, thành phố T, tỉnh T.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Minh P**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ dân phố 12, phường N, thành phố T, tỉnh T.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Minh P chung sống từ năm 1998 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục địa phương; đăng ký kết hôn ngày 25/12/2002 tại Ủy ban nhân dân phường Nông Tiên, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (đăng ký theo Nghị định 77/2001/NĐ-CP, hôn nhân có hiệu lực từ ngày 21/4/1998). Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại tổ 14, phường N, thành phố T. Theo chị H thì vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cãi vã do anh P nghiện ma túy, năm 2016 anh P phải

đi cải tạo tại trại giam Quyết Tiến cho đến tháng 11/2021 trở về địa phương. Sau đó tình trạng hôn nhân của anh chị mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh P thường xuyên đánh chửi chị. Nay chị Nguyễn Thị H xác định cuộc hôn nhân của chị và anh P không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Minh P.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Minh P có 02 con chung là Nguyễn Duy N, sinh ngày 29/7/1998 và Nguyễn Duy P, sinh ngày 09/10/1999. Hiện nay cả hai con của anh chị đều đã trên 18 tuổi, trưởng thành và có cuộc sống riêng tự lập nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết về giao nuôi con chung.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Nguyễn Thị H xác định chị và anh Nguyễn Minh P không có tài sản chung gì có giá trị và không có vay nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang đã nhiều lần báo gọi làm việc, tiến hành các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Minh P nhưng anh Phúc đều vắng mặt không có lý do.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản hòa giải do Tòa án tiến hành ngày 16/5/2022 (tại nhà riêng của anh chị H - P ở tổ dân phố 12, phường N, thành phố T), anh P trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H có đăng ký kết hôn năm 2002 tại UBND phường Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Anh đi chấp hành án về tháng 11/2021, vợ chồng bắt đầu có mâu thuẫn, anh không rõ vợ anh làm đơn ly hôn anh vì lý do gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là Nguyễn Duy N, sinh năm 1998 và Nguyễn Duy P, sinh năm 1999 hiện đã trưởng thành nên nếu Tòa án giải quyết ly hôn, anh không có ý kiến gì. Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh và chị H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên sau khi trình bày các nội dung, anh Nguyễn Minh P không ký biên bản và nêu ý kiến là chị H muốn trình bày hay giải quyết thế nào thì tùy chị H.

** Kết quả xác minh với chính quyền cơ sở thể hiện:* Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Minh P là vợ chồng có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 12, phường N, thành phố T. Quá trình chung sống của anh chị thấy chỉ có mâu thuẫn nhỏ trong sinh hoạt hàng ngày, không có vấn đề gì lớn. Anh chị có 02 con chung, phát triển bình thường, hiện đều đã trên 18 tuổi; không thấy anh chị có hiện tượng vay nợ của ai; anh chị không có quyền sử dụng đất tại tổ dân phố 12, phường N, thành phố T.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do có việc gia đình, chị giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Nguyễn Minh P. Ngoài ra chị H không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề nào khác. Anh Nguyễn Minh P vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn khi tham gia tố tụng dân sự đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Riêng phía bị đơn chấp hành chưa nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Minh P có đăng ký kết hôn ngày 25/12/2022 tại UBND phường Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn không tự hòa giải được. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn nhưng anh P không có mặt tại các buổi làm việc/không ký biên bản do Tòa án tiến hành. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử xử theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H; không xem xét giao nuôi đối với 02 con là Nguyễn Duy N, sinh ngày 29/7/1998 và Nguyễn Duy P, sinh ngày 09/10/1999 do hiện đã thành niên và chị H không yêu cầu. Chị H xác định chị và anh P không có tài sản chung gì có giá trị, không có vay nợ chung, không đề nghị gì nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết. Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ (tổng đạt trực tiếp, gửi bảo đảm qua đường bưu điện và niêm yết theo quy định pháp luật) các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn. Tại phiên toà, chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Minh P vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Minh P kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật ngày 25/12/2002 tại UBND phường Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Như vậy quan hệ hôn nhân của chị H và anh P là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày nhưng không hoà giải được, hiện chị H xác định tình cảm không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Minh P. Quá trình Tòa án giải quyết, anh P không có thiện chí hòa giải, không ký biên bản ghi lời khai của mình và biên bản hòa giải do Tòa án tiến hành tại nơi cư trú, cũng không có mặt tại các phiên họp và phiên hoà giải do Tòa án tiến hành tại trụ sở Tòa án.

Như vậy, có đủ cơ sở cho thấy hôn nhân của chị H và anh P đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng rạn nứt và không có khả năng tiếp tục chung sống. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Minh P.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Minh P có 02 con chung là Nguyễn Duy N, sinh ngày 29/7/1998 và Nguyễn Duy P, sinh ngày 09/10/1999, hiện đều đã trên 18 tuổi, trưởng thành và có cuộc sống tự lập, chị Hương không đề nghị về giao nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản và vay nợ chung: Chị Nguyễn Thị H xác định chị và anh P không có tài sản gì có giá trị, không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có vay nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh Nguyễn Minh P không phải nộp án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Minh P được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 147, 166, khoản 2 Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Minh P.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0000185 ngày 04/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí của vụ án.

Anh Nguyễn Minh P không phải nộp án phí.

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Minh P vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp. Tuyên Quang (02 bản);
- CC THA DS tp. Tuyên Quang (để thi hành);
- UBND p Nông Tiến, Tp Tuyên Quang (để biết);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS vụ án;
- Lưu TA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

